

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT

Ngày: 16 - 01 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2018/QĐPT-DS ngày 03/12/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 407/2018/QĐ-PT ngày 26/12/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018) (có mặt)

Địa chỉ: Số 211B, đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1965;

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971; (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2018)

Cùng địa chỉ: Số 43/6, đường N, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Diệp Thanh T, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 220/3D, đường Đ, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Phạm Bùi Khắc N, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 07, đường H, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ X và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ X và vợ chồng anh Nguyễn Văn N (tên thường gọi N khô), chị Phạm Thị H là chỗ làm ăn quen biết từ lâu. Thông thường, mỗi lần cần lấy hàng là anh N điện thoại hoặc trực tiếp xuống B lấy hàng khô mực và trả tiền mặt ngay, có lúc trả tiền vào ngày hôm sau do vợ anh N là chị H chuyển khoản cho chị X. Anh N mua khô về làm gì thì chị X không rõ.

Ngày 29/4/2018, anh N xuống nhà chị X mua 02 cây khô mực tổng cộng 288kg với giá là 275.000 đồng/kg, thành tiền 79.200.000 đồng. Anh N lấy hàng xong không trả tiền cho chị X mà nói rằng hôm sau sẽ trả tiền, vì là chỗ làm ăn lâu nên chị X đã tin tưởng giao hàng cho anh N. Tối ngày 29/4/2018, khi hàng được gửi xe lên M, anh N đã kêu người nhà đến lấy hàng. Sau đó, chị X có điện thoại cho anh N để yêu cầu thanh toán tiền cho chị nhưng không được. Chị X có đến nhà gặp vợ anh N là chị H yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H không những không trả tiền mà còn có lời lẽ thách thức chị. Nay chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N, chị H phải có trách nhiệm trả cho chị X số tiền nợ mua bán khô mực là 79.200.000 đồng, thời gian trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Phạm Thị H và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:*

Chị thừa nhận tối ngày 29/04/2018, anh Diệp Thanh T (tên thường gọi là Tèo xe lôi) và Nguyễn Văn Đ là con trai của anh N, chị H có đến nhận và chở hai bao hàng khô mực của chị Nguyễn Thị Mỹ X tại chành xe Kim L ở bên hông Bảo tàng về giao cho chị. Nhưng chị H cho rằng vào ngày 30/4/2018, chị đã thanh toán đủ số tiền mua bán khô mực cho chị X.

** Người làm chứng:*

- Anh Diệp Thanh T trình bày: Anh không có quan hệ bà con với các bên đương sự. Anh N hay liên hệ kêu anh chở hàng khô. Khoảng 08 giờ tối một

ngày cuối tháng 04/2018 (anh không nhớ rõ ngày), anh N (N khô) có gọi điện thoại cho anh yêu cầu đến nơi đậu xe của bà L ở bên hông Bảo tàng tại phường 7, thành phố M để chở hàng về. Anh thấy hai bao hàng nằm trên xe tải của bà L nhưng không rõ hàng gì, anh cùng con trai anh N đưa bao tải xuống xe ba gác chở về nhà anh N thì gặp chị H vợ anh N ra nhận hàng. Khi khiêng vào kho lạnh anh mới biết 02 bao tải anh chở về là khô mực loại nhỏ. Chị H có trả tiền công cho anh là 100.000 đồng. Ngoài ra, anh T không có chứng kiến việc gì khác.

- *Anh Phạm Bùi Khắc N trình bày:* Anh là tài xế của chành xe Kim L. Ngày 29/4/2018, anh được chị X ở thị trấn B đến gửi anh 02 bao hàng khô mực có trọng lượng khoảng 300kg chở lên M giao cho anh N khô là khách quen thường lấy hàng tại chành xe của anh. Đến khoảng 20 giờ 45 phút ngày 29/4/2018, con của anh N cùng anh Tèo xe lôi (anh không biết rõ họ tên) đến chở 02 bao hàng do chị X gửi. Sau đó hàng được chở về đầu thì anh không rõ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2018/DS-ST ngày 29/08/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X. Buộc anh Nguyễn Văn N, chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ X số tiền 79.200.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng). Thời gian 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 07/9/2018, bị đơn chị Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do chị đã trả tiền đầy đủ cho chị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Phạm Thị H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ X, yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền mua bán khô mực là 79.200.000 đồng. Trường hợp xác định vợ chồng chị còn nợ thì xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Anh Nguyễn Hoàng A-người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ X có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị H xét là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 29/4/2018, anh Nguyễn Văn N đến nhà chị Nguyễn Thị Mỹ X mua 288kg khô cá mực với giá 275.000 đồng/kg, thành tiền là 79.200.000 đồng và thỏa thuận ngày hôm sau sẽ thanh toán tiền hàng. Theo chị X, sau nhiều lần điện thoại và đến nhà yêu cầu vợ chồng anh N, chị Phạm Thị H trả tiền nhưng anh N, chị H không trả, nên phát sinh tranh chấp. Không thừa nhận lời trình bày của chị X, chị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh N cho rằng, anh chị đã thanh toán tiền mua hàng cho chị X vào ngày 30/4/2018.

[2] Xét lời trình bày của chị H không được chị X thừa nhận và chị H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền hàng đã mua. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc chị H và anh N có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền nợ mua hàng 79.200.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chị H không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo để Hội đồng xét xử xem xét. Vì thế, xét ý kiến của đại diện nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện xin trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị H không được nguyên đơn chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 68/2018/DSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X. Buộc anh Nguyễn Văn N, chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ X số tiền 79.200.000 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh N, chị H thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng anh N, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013110 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

- Anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị H liên đới chịu 3.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Nguyễn Thị Mỹ X 1.980.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012646 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-T

Nguyễn Xuân Tuấn